

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2017/DS-ST

Ngày: 14/8/2017

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thọ

2. Ông Lê Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2017/QĐXX-DS ngày 29 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2017/QĐST-DS ngày 20/7/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng V

Địa chỉ: Đường T, phường H, quận K, thành phố N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Thanh T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Đường C, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị Mỹ L, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/2/2017 của Ngân hàng V; bản tự khai ngày 03/4/2017 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Thanh T trình bày:

Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn N phải trả cho Ngân hàng V số tiền 93.700.925 đồng, trong đó tiền gốc là 65.536.714 đồng, tiền lãi là 28.164.211 đồng.

Quá trình vay tiền như sau: Vào ngày 24/3/2015 Ngân hàng V với ông Nguyễn Văn N có ký hợp đồng tín dụng số 20150324-113003-005, theo đó ông N vay của Ngân hàng V số tiền 68.588.478 đồng, lãi suất 2.91%/tháng tính theo dư nợ gốc giảm dần, thời gian trả nợ 36 tháng. Theo thỏa thuận thì 35 tháng đầu ông N phải trả mỗi tháng 3.103.000 đồng, tháng cuối cùng trả 3.995.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông N có trả cho Ngân hàng V được 3 kỳ với tổng số tiền là 9.309.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.051.764 đồng, tiền lãi là 6.257.236 đồng. Kể từ ngày 13/7/2015 thì ông N không thanh toán tiền như cam kết, vi phạm hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng V đã khởi kiện.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N: Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông N không đến Tòa án theo giấy triệu tập nên không thu thập được lời khai của ông N.

Theo bản tự khai ngày 20/7/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Đặng Thị Mỹ L trình bày:

Bà L và ông N là vợ chồng, có vay tiền của Ngân hàng V khoảng từ 9 đến 10 năm nay. Việc vay tiền bao nhiêu lần, cụ thể vay như thế nào bà L không biết, vì các lần vay tiền đều do ông N vay. Lần cuối cùng ông N vay của Ngân hàng V số tiền khoảng hơn 50.000.000 đồng về để trị bệnh cho bà L, ngày tháng năm vay cụ thể thì bà L không nhớ. Nay Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu ông N phải trả số tiền 93.700.925 đồng thì bà L có ý kiến là cả hai vợ chồng bà đều có trách nhiệm trả số tiền này cho Ngân hàng V vì đây là nợ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng V có cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ bản sao y: Đơn đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 20150324-113003-005 ngày 25/3/2015; Văn bản thỏa thuận về việc tắt toán hợp đồng tín dụng trước thời hạn và nhận nợ khoản vay mới ngày 25/3/2015; Bảng liệt kê giải ngân vào ngày 27/3/2015. Còn bị đơn ông Nguyễn Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Mỹ L không cung cấp chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo thẩm quyền, Thẩm phán đã tiến hành thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình,

còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không chấp hành. Việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Văn N có vay tiền của Ngân hàng V. Đến nay ông N còn nợ số tiền 93.700.925 đồng, trong số tiền gốc 65.536.714, tiền lãi 28.164.211 đồng. Nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

+ Về tố tụng:

Ngân hàng V khởi kiện ông Nguyễn Văn N về tranh chấp hợp đồng tín dụng, không có mục đích lợi nhuận nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Mỹ L đã được Tòa án triệu tập 2 lần hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, xét xử vắng mặt ông N, bà L là đúng theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N phải trả cho ngân hàng số tiền là 93.700.925 đồng, trong đó tiền gốc là 68.532.714 đồng, tiền lãi là 28.164.211 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150324-113003-00 ngày 25/03/2015 được ký kết giữa ông Nguyễn Văn N với Ngân hàng V thể hiện: ông Nguyễn Văn N có vay số tiền 68.588.478 đồng của Ngân hàng V, tiền lãi suất trong thời hạn 36 là 44.011.522 đồng, trả nợ dần cả gốc lẫn lãi trong thời hạn 36 tháng, trong đó 35 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 3.103.000 đồng, tháng cuối cùng trả số tiền 3.995.000 đồng, lãi suất được ghi trong hợp đồng là 2,91%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng và mua bảo hiểm dư nợ tín dụng. Do trước đó ông N còn nợ của 2015 Ngân hàng V số tiền 37.322.360 đồng nên hai bên đã ký kết văn bản thỏa thuận về việc tắt toán hợp đồng tín dụng trước thời hạn và nhận nợ khoản vay mới vào ngày 25/3/2015, đồng thời ông N bị phạt do trả nợ trước hạn số tiền là 2.625.000 đồng. Vào ngày 27/3/2015 Ngân hàng V đã giải ngân toàn bộ số tiền 68.588.478 đồng, trong đó số tiền 37.322.360 đồng được trừ vào khoản nợ vay trước, phạt trả nợ trước hạn 2.625.000 đồng, đóng phí bảo hiểm 3.266.118 đồng, số tiền còn lại 28.000.000 đồng ông Nguyễn Văn N trực tiếp nhận. Còn đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N cố tình vắng mặt nên Tòa

án không tiến hành thu thập được lời khai, chứng cứ gì từ ông N. Mặc không thu thập được lời khai của ông N nhưng căn cứ chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở khẳng định ông Nguyễn Văn N vay của Ngân hàng V tiền gốc 68.588.478 đồng, lãi suất phải trả trong 36 tháng là 44.011.522 đồng, với lãi suất thỏa thuận 2.91%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng là có thật.

[2] Sau khi vay, ông Nguyễn Văn N đã trả nợ cho Ngân hàng V được 3 kỳ với tổng số tiền là 9.309.000 đồng, trong đó tiền lãi 6.257.236 đồng, tiền gốc là 3.051.764 đồng, kể từ ngày 13/7/2015 đến nay ông N không trả được khoản tiền nào. Việc trả tiền này là do phía nguyên đơn cung cấp được thể hiện theo bảng thống kê quá trình thanh toán, cụ thể: vào các ngày 30/4/2015, 31/5/2015, 13/7/2015 mỗi ngày trả số tiền 3.103.000 đồng, tổng cộng là 9.309.000 đồng. Còn bị đơn do không đến Tòa án nên không tiến hành lấy lời khai, đối chất được. Việc thừa nhận của nguyên đơn về việc bị đơn đã trả cả gốc và lãi được số tiền 9.309.000 đồng là tự nguyện nên cần ghi nhận.

[3] Về tiền lãi suất:

Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150324-113003-005 ngày 25/3/2015 được ký kết giữa ông Nguyễn Văn N với Ngân hàng V thì lãi suất thỏa thuận là 2.91%/tháng tức là 34,92%/năm. Theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất các bên thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm. Tuy nhiên căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng thì bên vay phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, do vậy Ngân hàng V áp dụng lãi suất 2.91%/tháng để tính lãi suất là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu lãi suất từ ngày 01/8/2015 đến ngày 01/01/2017 với tổng số tiền là 28.164.211 đồng, xét thấy: Ngày 27/3/2015 là ngày giải ngân, nhưng các bên thỏa thuận bắt đầu trả lãi suất vào ngày 01/5/2015 đến ngày 01/4/2018. Quá trình vay tiền ông Nguyễn Văn N đã trả được 6.257.236 đồng tiền lãi suất của các tháng 5, 6, 7/2015, số tiền đã trả này không tranh chấp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng thì ông N phải có nghĩa trả lãi cho đến ngày xét xử và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, tuy nhiên đại diện của nguyên đơn chỉ yêu cầu ông N phải trả lãi suất tính từ ngày 01/8/2015 đến ngày 01/01/2017 với số tiền là 28.164.211 đồng, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn cần ghi nhận. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi suất với số tiền 28.164.211 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Về tiền lãi chậm trả: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu tính tiền lãi chậm trả theo hợp đồng tín dụng mà tính theo Bộ luật dân sự, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn cần ghi nhận. Do vậy, cần áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để tính tiền lãi suất chậm trả đối với bị đơn là có căn cứ.

[5] Căn cứ vào lời khai của bà Đặng Thị Mỹ L thể hiện: Mặc dù bà Linh không trực tiếp vay tiền, không ký vào hợp đồng tín dụng, nhưng việc ông N vay

tiền bà L đều biết, mục đích vay tiền để chi tiêu cho gia đình, chữa trị bệnh cho chính bản thân bà L. Do vậy, số tiền mà ông N vay của Ngân hàng V được xác định là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Căn cứ vào Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình thì bà Đặng Thị Mỹ L cùng với chồng là ông Nguyễn Văn N phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng V.

Từ những phân tích nhận định nêu, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Cần buộc vợ chồng ông N, bà L phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V tổng số tiền là 93.700.925 đồng, trong đó tiền gốc 65.536.714 đồng, tiền lãi suất là 28.164.211 đồng.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Văn N, bà Đặng Thị Mỹ L phải nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bị đơn ông Nguyễn Văn N.

1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Đặng Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ trả nợ cho của Ngân hàng V tổng số tiền 93.700.925 đồng (Chín mươi ba triệu bảy trăm ngàn chín trăm hai trăm hai đồng), trong đó tiền gốc là 65.536.714 đồng, tiền lãi là 28.164.211 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

+ Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Đặng Thị Mỹ L phải nộp 4.685.046 đồng (Bốn triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn không trăm bốn mươi sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.343.000 đồng (Hai triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án

phí số 0004279 ngày 27/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- CCTHADS TP. Bà Rịa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Lê Văn Cường